TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2023/DS - PT
Ngày: 11/5/2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Quốc Cường**

Ông **Phạm Tồn**

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Bùi Thị Hồng Phượng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Trần Viết Tuấn** – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 228/2022/TLPT- DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1190/2023/QĐ-PT ngày 06 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1956; Địa chỉ: Tổ 9, thôn T, xã T, huyện P, Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Xuân B, địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Bị đơn: ông Nguyễn M T1, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 9, thôn T, xã T, huyện P, Quảng Nam, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam;

Địa chỉ: huyện P, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Bà Dương Thị T, sinh năm 1956; có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1978; có mặt.

+ Ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1984; có mặt.

+ Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1981; vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1996; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị Mỹ L, ông Huỳnh Đức T: Ông Huỳnh Đức T, sinh năm 1956, có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 9, thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Bùi Thị M, sinh năm 1965; có mặt.

+ Ông Nguyễn M T, sinh năm 1989; có mặt.

+ Ông Nguyễn Lương Q, sinh năm 1984; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1992; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Lương Q, ông Nguyễn Lương T: ông Nguyễn M T1, sinh năm 1957, có mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 9, thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam

**** Người kháng cáo:*** ông Huỳnh Đức T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Huỳnh Đức T trình bày:

Gia đình ông sử dụng thửa đất có diện tích 4.194m^2, nguồn gốc diện tích đất này là của ông bà, cha mẹ ông để lại. Vào năm 1985, cha ông *(là ông Huỳnh V)* có cho ông Nguyễn M T1 diện tích đất 300m^2 để làm nhà ở, vị trí đất của ông T1 nằm ở giữa thửa đất của gia đình ông, tứ cận đều tiếp giáp đất của ông. Phần diện tích đất còn lại của gia đình ông là 3.894m^2 nằm trong tờ bản đồ số 29, thửa đất số 151A, do gia đình ông trực tiếp quản lý, sử dụng.

Trong quá trình sử dụng đất, ông T1 đã lấn chiếm đất của ông để trồng trụ rơm, làm chuồng bò, làm biên sân mà không hỏi ý kiến của ông. Vào ngày 10/4/2019, sau khi sao lục hồ sơ, ông phát hiện ông T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, diện tích 300m^2 nằm sát góc vườn ở của ông là không đúng, vì diện tích đất này thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông. Ngày 14/8/2019, ông T1 trồng trụ bê tông, rào lưới B40 ngăn không cho gia đình ông qua lại, vì ông T1 cho rằng đất này Ủy ban nhân dân huyện P đã cấp cho gia đình ông T1.

Trước đây, gia đình ông có cho ông T1 300m^2 nhưng đo đạc thực tế đất gia đình ông T1 sử dụng làm nhà là 518,1m^2, phần đất này ông thống nhất cho gia đình ông T1 sử dụng, không tranh chấp. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn M T1 phải trả lại cho gia đình ông phần đất lấn chiếm qua đo đạc thực tế có diện tích 689,9m^2 tại thôn T, xã T, huyện P.

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A872850 do Ủy ban nhân

dân thị xã T cũ *(nay là Ủy ban nhân dân huyện P)* cấp cho hộ ông Nguyễn M T1 ngày 26/12/1996 đối với thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, diện tích 300m^2.

Tại các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn M T1 trình bày:

Trước đây, gia đình ông được ông Huỳnh V *(là cha ông T, cậu ruột của ông T1)* cho một mảnh đất để làm nhà ở, chuồng trâu, chuồng heo, trồng trụ rơm và làm hoa màu từ năm 1985 đến nay.

Hộ gia đình ông đã được Ủy ban nhân dân thị xã T *(cũ)* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, tại xã T với diện tích 300m^2 vào ngày 26/12/1996; tuy nhiên, khi cấp ghi nhầm là cấp cho hộ ông Phạm M T1 *(vì tên ông là Nguyễn M T1)* và cấp diện tích đất 300m^2 không đúng với vị trí, diện tích thực tế gia đình ông đang sử dụng. Thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong hộ gia đình ông gồm có vợ và các con của ông. Diện tích đất tranh chấp đã được gia đình ông canh tác, sản xuất ổn định; do đó, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Ông đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông T tại thửa đất số 151A và cấp cho hộ gia đình ông tại thửa đất số 151b, cùng tờ bản đồ số 29, xã T, huyện P, vì không đúng với thực tế sử dụng đất.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Dương Thị T, bà Huỳnh Thị P, bà Huỳnh Thị Mỹ L, ông Huỳnh Đức T và ông Huỳnh Đức T thống nhất với ý kiến trình bày của ông Huỳnh Đức T và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Bùi Thị M, ông Nguyễn Lương Q, ông Nguyễn M T, ông Nguyễn Hữu T thống nhất với ý kiến trình bày của ông Nguyễn M T1 và đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại văn bản có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân nhân huyện P trình bày:

Theo hồ sơ Nghị định 64/CP của Chính phủ thì thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29 do hộ ông Huỳnh Đức T đăng ký sử dụng, với diện tích 3.894,0m^2; thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29 do hộ ông Nguyễn M T1 kê khai, đăng ký sử dụng, với diện tích 300m^2. Trong quá trình sử dụng đất, hộ ông T1 được Ủy ban nhân dân thị xã T *(cũ)* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 26/12/1996 tại thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, với diện tích 300m^2 và hộ ông T được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/3/2012 tại thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.890m^2.

Qua đối chiếu bản đồ đo theo Nghị định 64/CP, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp thì thửa đất của hộ ông T1 đang sử dụng nằm tiếp giáp với thửa đất của hộ ông T. Tuy nhiên, sau khi tiến hành xác định lại hiện trạng vị trí nhà ở do hộ ông T1 đang sử dụng so với vị trí thửa đất mà hộ ông T1 đã được

cấp giấy *(nhà ở được xây dựng vào năm 1993)* thì vị trí nhà ở của hộ ông T1 đang sử dụng không trùng với vị trí được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà nằm trên 01 phần diện tích thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T *(tại thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29)*. Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 151A và thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29 cho hộ ông T và hộ ông T1 chưa đúng vị trí hiện trạng sử dụng đất mà 02 hộ sử dụng từ trước đến nay.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 42/2022/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 165 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 14, 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Đức T đối với bị đơn ông Nguyễn M T1 về việc tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 689,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29 tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam *(có Mảnh trích đo địa chính số 02 - 2022 kèm theo)*.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 872850 ngày 26/12/1996 do Ủy ban nhân dân thị xã T cũ *(nay là Ủy ban nhân dân huyện P)* cấp cho hộ ông Nguyễn M T1 đối với thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, diện tích 300m^2 tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 869672 ngày 09/3/2012 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Huỳnh Đức T và bà Dương Thị T đối với thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.890m^2 tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/9/2022, nguyên đơn ông Huỳnh Đức T kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ Bản án sơ thẩm để giao về Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Huỳnh Đức T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xem xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện. Nguyên đơn có kháng cáo giữ nguyên nội dung yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các bên đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/7/2022 của Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như sự thừa nhận của các đương sự, thể hiện: diện tích đất tranh chấp là 689,9m^2 *(theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2020 là 720,3m^2, nhưng sau đó nguyên đơn xác định lại theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/7/2022 là 689,9m^2)*, thuộc một phần thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29 tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam mà hộ ông Huỳnh Đức T và bà Dương Thị T được Ủy ban nhân dân huyện P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 869672 ngày 09/3/2012.

[2.2] Về nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích đất tranh chấp 689,9m^2:

Trong quá trình sử dụng đất, ông T kê khai diện tích 3.894m^2 tại thửa đất số 151A, ông T1 kê khai diện tích 300m^2 tại thửa đất số 151b *(theo hồ sơ 64/CP)*. Ngày 26/12/1996, hộ ông Nguyễn M T1 *(ghi nhầm là Phạm M T1, đã được đính chính)* được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 06 thửa, trong đó có thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29 và ngày 09/3/2012, hộ ông Huỳnh Đức T và bà Dương Thị T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29.

Nguyên đơn ông Huỳnh Đức T cho rằng, diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc do ông bà, cha mẹ của ông để lại. Vào năm 1985, cha ông là ông Huỳnh V có cho ông T1 diện tích đất 300m^2 để làm nhà ở; tuy nhiên, trong quá trình sử dụng đất, ông T1 đã lấn chiếm của gia đình ông diện tích đất 689,9m^2. Ngược lại, bị đơn ông Nguyễn M T1 thì cho rằng, diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc của ông Huỳnh V *(là cha của ông T và là cậu của ông T1)* cho gia đình ông T1 sử dụng từ năm 1985 đến nay.

Xét thấy, lời khai của ông T1 phù hợp với nội dung xác nhận của những người làm chứng như: ông Nguyễn Thanh Vân, ông Nguyễn Thanh Q, ông Huỳnh Hồng Khánh và phù hợp với Biên bản lấy ý kiến ở khu dân ngày 10/12/2021 do Ủy ban nhân dân xã T tổ chức lấy ý kiến của một số hộ dân sinh sống gần vị trí đất tranh chấp *(BL 157)*, cụ thể: *"Đối với diện tích mà ông Huỳnh Đức T đang tranh chấp với ông Nguyễn M T1 theo sơ đồ đo đạc là 720,3m^2*

(theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/11/2020), diện tích đất này được ông Huỳnh V (cậu ông T1, hiện đã chết) cho ông T1 quản lý, sử dụng liền kề với đất ở, nhà ở từ năm 1985 đến nay. Ông T không có sử dụng phần đất này". Mặt khác, theo Công văn số 1434/UBND-TNMT ngày 29/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện P cung cấp thông tin cho Tòa án *(BL 165)*, thể hiện: *"Về nguồn gốc diện tích 720,3m^2 mà các bên đang tranh chấp do ông Huỳnh Đức T kê khai, đăng ký theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993. Tuy nhiên, đối với diện tích đất 720,3m^2 từ khi kê khai, đăng ký đến thời điểm phát sinh tranh chấp hộ ông Huỳnh Đức T không sử dụng mà do ông Nguyễn M T1 quản lý, sử dụng"*. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế là từ trước đến nay, diện tích đất tranh chấp đều do hộ ông T1 quản lý, sử dụng cùng với diện tích đất có ngôi nhà của gia đình ông T1 *(hiện các bên không tranh chấp)* và khi ông Huỳnh V còn sống *(ông V chết năm 2001)* cũng không có tranh chấp, khiếu nại gì với ông T1.

Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn ông Huỳnh Đức T cho rằng ông Nguyễn Đ và ông Nguyễn Thanh Q không tham gia họp do UBND xã tổ chức vào ngày 10/12/2021 nhưng tại bút lục số 157 có trong hồ sơ vụ án thể hiện Nguyễn Đ và ông Nguyễn Thanh Q có tham gia họp và có đóng dấu xác nhận của UBND xã T.

Như vậy, lời khai của ông T cho rằng cha của ông *(ông Huỳnh V)* chỉ cho ông T1 diện tích đất 300m^2 để làm nhà ở và khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1 trả lại cho gia đình ông diện tích đất 689,9m^2 là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Xét ý kiến của ông T và ông T1 về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 872850 ngày 26/12/1996 do Ủy ban nhân dân thị xã T cũ *(nay là Ủy ban nhân dân huyện P)* cấp cho hộ ông Nguyễn M T1 đối với thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, diện tích 300m^2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 869672 ngày 09/3/2012 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Huỳnh Đức T và bà Dương Thị T đối với thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.890m^2 thì thấy:

[3.1] Qua đối chiếu với bản đồ đo theo Nghị định 64-CP của Chính phủ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp và hiện trạng vị trí nhà, đất của hộ ông T1 đang sử dụng *(nhà ở của ông T1 được xây dựng vào năm 1993)* so với vị trí thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29 mà hộ ông T1 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vị trí nhà, đất của hộ ông T1 đang sử dụng không trùng khớp với vị trí thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, mà nằm trên 01 phần thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29 hộ ông T, bà T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 151A và

151b, tờ bản đồ số 29 cho hộ ông T và hộ ông T1 không đúng vị trí hiện trạng sử dụng đất mà 02 hộ sử dụng từ trước đến nay. Ngoài ra, tại Công văn số 458/UBND-TNMT ngày 29/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện P *(BL 73)* cũng cho rằng: *"Trong quá trình lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T1, các cơ quan chuyên môn không thực hiện đo đạc, xác định vị trí ngôi nhà và các tài sản khác của hộ ông T1 trên diện tích đất mà hộ ông T1 sử dụng từ trước đến nay".*

[3.2] Xét thấy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 151A và 151b, tờ bản đồ số 29 cho hộ ông T và hộ ông T1 không đúng quy định pháp luật. Do đó, có căn cứ để hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thị xã T cũ *(nay là Ủy ban nhân dân huyện P)* cấp cho hộ ông Nguyễn M T1 ngày 26/12/1996 đối với thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, diện tích 300m^2 và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Huỳnh Đức T, bà Dương Thị T vào ngày 09/3/2012 đối với thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.890m^2.

[4] Trong giai đoạn phúc thẩm, kèm theo đơn kháng cáo, ông Huỳnh Đức T có xuất trình Biên lai thu thuế sử dụng đất, ngày 28/4/1997; Biên lai thu thuế nhà, đất năm 2000, năm 2010,năm 2002, 2004; thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất năm 2012 (đối với thửa 151 A); biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2015 (các BL 283-292). Xét thấy, theo quy định của pháp luật về thuế nhà đất thì người sử dụng đất phải kê khai nộp thuế chứ không phải là căn cứ để giải quyết tranh chấp đất đai (việc nộp thuế không phải là căn cứ để giải quyết tranh chấp về quyền sử dụng đất - mục 3.3, Điều 3, Thông tư số 153/2011/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Bộ tài chính).

Từ những phân tích, lập luận đã viện dẫn trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử vụ án có căn cứ và đúng pháp luật. Kháng cáo của ông Huỳnh Đức T không có cơ sở, không có tài liệu chứng cứ gì mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không được chấp nhận, Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xem xét huỷ Bản án sơ thẩm. Xét đề nghị này không có căn cứ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận.

[5]. Về án phí phúc thẩm dân sự: mặc dù kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Toà án cấp phúc thẩm miễn án phí phúc thẩm dân sự cho ông T theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH về án phí lệ phí Toà án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Đức T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các Điều 26, 34, 37, 39, 147, 157, 165 và 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 100, 166, 202, 203 của Luật Đất đai năm 2013; các Điều 12, 14, 26 và 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Đức T đối với bị đơn ông Nguyễn M T1 về việc tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 689,9m^2 thuộc một phần thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29 tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam *(có Mảnh trích đo địa chính số 02 - 2022 kèm theo)*.

Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 872850 ngày 26/12/1996 do Ủy ban nhân dân thị xã T cũ *(nay là Ủy ban nhân dân huyện P)* cấp cho hộ ông Nguyễn M T1 đối với thửa đất số 151b, tờ bản đồ số 29, diện tích 300m^2 tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 869672 ngày 09/3/2012 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp cho hộ ông Huỳnh Đức T và bà Dương Thị T đối với thửa đất số 151A, tờ bản đồ số 29, diện tích 3.890m^2 tại thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Huỳnh Đức T được miễn.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường